

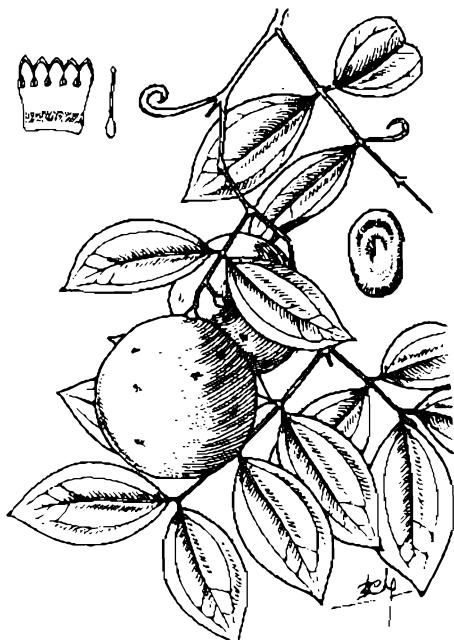
Gai mèo

Xem Phần Cây thuốc - Bài thuốc

Hoàng nàn

Tên khoa học : *Strychnos Wallichiana Steud ex DC.* - họ Mã tiền (*Loganiaceae*)

Tên khác : Võ doãn.



Bộ phận dùng : Võ thân và vỏ cành đã chế biến khô của cây hoàng nàn (*Cortex Strychni Wallichianae*). Đã được ghi vào DBVN (1983)

Mô tả cây : Cây hoàng nàn thuộc loại cây nhỡ mọc leo, có nhiều cành, có những tua cuốn ở những cành non. Lá mọc đối, hình trứng dài nhọn, lá nhẵn, mép nguyên, có 3 gân nổi rõ ở mặt dưới, phiến lá dài 5 - 10cm, rộng 3 - 5cm. Hoa không cuồng, mọc thành chùm, dạng ngù ở đầu cành. Quả mọng, hình cầu, vỏ nhẵn bóng, đường kính 4 - 5cm, vỏ dày độ 4mm cứng, nhưng dễ đập vỡ, trong chứa nhiều hạt, hình khuy áo nhưng không tròn, dài độ 22mm, rộng độ 18mm, có phủ nhiều lông mượt bóng ánh.

Mùa hoa : tháng 6 - 8. Mùa quả : tháng 9 - 11. Cây hoàng nàn mọc hoang ở nhiều vùng núi đá, nơi rừng rậm, các tỉnh Tuyên Quang, Phú Thọ, Sơn La, Hòa Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Nghệ An v.v...

Ở Lào, vùng giáp giới khu Tây bắc của ta, cũng có.

Thu hái chế biến : Thu hái vỏ thân, vỏ cành hoàng nàn quanh năm, thường chặt từng

đoạn, đem về mới bóc vỏ cho dễ, đem phơi hay sấy khô, thành những miếng to, nhỏ không đều, cong lòng máng hay cuộn tròn, dài 6 - 12cm, rộng 2 - 5cm, dày độ 0,1cm. Mặt ngoài có nhiều nốt sần sùi, màu nâu sẫm hay đờ nâu. Mặt trong màu nâu đen có nhiều đường vân nhô chạy dọc. Vỏ ròn, dễ vỡ, gãy, vị rất đắng (cần thận chì ném qua) Thụy phân dưới 12p100.

Tập chất : dưới 1p100.

Thành phần hóa học : Trong vỏ hoàng nàn có các alcaloid strychnin, brucin, hàm lượng alcaloid toàn phần lên tới hơn 5p100, trong đó strychnin độ 2,3 - 2,4p100, còn brucin 2,7 - 2,8p100.

Dược điển Việt Nam (1983) quy định hoàng nàn phải chứa ít nhất 2,5p100 alcaloid toàn phần, biểu thị bằng hỗn hợp ngang nhau của strychnin và brucin.

Công dụng : Theo Bóng y, hoàng nàn vị rất đắng, tính âm, rất độc - vào 2 kinh : Can, Tỳ. Có tác dụng : trừ phong hàn, thông kinh lạc, giảm đau.

Chữa các chứng bệnh do phong hàn gây nên, té thấp, đau nhức xương, té bại chân tay, đau lưng, hông.

Liều dùng : Theo Dược điển Việt Nam (1983) Liều tối đa uống 1 lần : 0,10g trong 24 giờ : 0,40g

Thường dùng dưới dạng bột.

Lưu ý : Người bị mất ngủ, đi tinh, cơ thể suy nhược không uống.

- Không dùng chữa chó, dại cắn như một số người vẫn dùng. (Cần phai tiêm vaccine phòng dại trong thời gian sớm nhất).

Bảo quản : Theo quy chế đặc bảng A - Đè nơi khô ráo.

Hồi núi

Tên khoa học : *Illicium griffithii Hook.f. et Thoms.*, họ Hồi (*Illiciaceae*)

Tên khác : Đại hồi núi - Mu bu - Faux badianier (Pháp)

Bộ phận dùng : Quả hồi núi. (*Fructus Illicii*)

Mô tả cây : Cây cao khoảng 10 - 15m. Lá bầu dục, nhẵn, dai, không rung, phiến lá nguyên dài 6 - 8cm, rộng 2 - 3cm, thành cụm 4 - 5 lá, giống như mọc thành vòng già, cuống lá dài 8 - 10cm. Hoa đỏ hồng, đẹp, mọc đơn độc ở kẽ lá. Quả gồm nhiều dai, mọc tỏa theo hình nan hoa, hai bên dẹt, lá noãn cụt ở phía gốc, đầu có mó, hép và dài bằng lá noãn, đầu cong lên giống như cái liềm.

Cây hồi núi có nhiều ở vùng rừng núi nước ta : Lạng Sơn, Lao Cai, Hà Tây, Tây Bắc, Trường Sơn - Có ở Ấn Độ, gọi là hồi già (faux anis étoilé de Bombay)